

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 4 năm 2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa Bà Tôn Thị Thanh H - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST- HNGĐ ngày 31/12/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐST- HNGĐ ngày 03/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1987; ĐKKHKT: Khu S (Nay là khu T), thị trấn L, huyện L, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1982; ĐKKHKT: Khu S (Nay là khu T), thị trấn L, huyện L, tỉnh P. Hiện anh N đang đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng N đăng ký kết hôn ngày 28/3/2005 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh P. Trước khi kết hôn hai bên tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh N tại khu S (Nay là khu T), thị trấn L, huyện L, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2008 anh N đi xuất khẩu lao động tại Tiệp Khắc. Năm 2011 anh N trở về thăm gia đình thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H phát hiện anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra do vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm lạnh nhạt dần,

không còn quan tâm, thương yêu nhau nữa. Đến cuối năm 2011 anh N đi Ba Lan, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/9/2005 và cháu Nguyễn Hữu Hùng C, sinh ngày 14/7/2007. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu N và cháu C đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị H trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của anh N ở Ba Lan nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh N cho Tòa án được. Chị H đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh N tại Ba Lan thông qua bố mẹ đẻ của anh N là ông Nguyễn Hữu Sửu và bà Nguyễn Thị Hồng T có địa chỉ tại: Khu S (Nay là khu T), thị trấn L, huyện L, tỉnh P.

Thân nhân của anh Nguyễn Trọng N – Bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Trọng N. Hiện nay, anh N đang làm việc tại Ba Lan. Anh N thỉnh thoảng vẫn gọi điện về cho ông bà. Anh N chỉ nói với ông bà hiện đang ở Ba Lan nhưng không nói rõ cụ thể ở đâu nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ của anh N ở Ba Lan cho Tòa án. Việc chị H xin ly hôn anh N, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trọng N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/9/2005 và cháu Nguyễn Hữu Hùng C, sinh ngày 14/7/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên. Anh Nguyễn Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tạ Thị H do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Do chị Tạ Thị H không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tòa án nhân dân tỉnh nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Tạ Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trọng N là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, chị H trình bày hiện anh N đang sống và làm việc tại Ba Lan. Tại văn bản số 546/QLXNC-P5 ngày 20/12/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (Bút lục 24) xác nhận “Nguyễn Trọng N, sinh ngày 15/9/1982, khai địa chỉ ở khu 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh P đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 27/9/2011, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Trọng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh P ngày 28/3/2005. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp quan, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm lạnh nhạt, không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tạ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

Anh Nguyễn Trọng N hiện đang ở nước ngoài, chị Tạ Thị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh N ở Việt N, không cung cấp được địa chỉ của anh N ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị Tạ Thị H, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xác minh địa chỉ của anh N ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của anh N là bà Nguyễn Thị Hồng T. Bà Tư xác nhận anh N hiện đang ở Ba Lan, anh N thỉnh thoảng có gọi điện cho bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể ở đâu nên bà không cung cấp được địa chỉ của anh N ở Ba Lan cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Trọng N ngày 12/02/2020 (Bút lục 42) thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh N có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Hiện nay chị H cùng hai con đã trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại khu S (Nay là khu T), thị trấn L, huyện L, tỉnh P. Quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Trọng N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Tạ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị H được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/9/2005 và cháu Nguyễn Hữu Hùng C, sinh ngày

14/7/2007. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi thành niên và không đề nghị anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy anh Nguyễn Trọng N hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu N và cháu C nên để đảm bảo cho cả hai cháu có điều kiện phát triển tốt nhất, cần giao cháu Nguyễn Minh N và cháu Nguyễn Hữu Hùng C cho chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tạ Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về công sức đóng góp: Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/9/2005 và cháu Nguyễn Hữu Hùng C, sinh ngày 14/7/2007 cho chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu C thành niên. Anh Nguyễn Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tạ Thị H do chị H không yêu cầu. Anh Nguyễn Trọng N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị H xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0004021 ngày 30/12/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đ-ơng sự đ-ợc quyền làm đơn kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ-ợc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND T.T L;
- Các đ-ơng sự;
- L- u: HS+AV:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền

Số: 01/2020/QĐ-SCBSBA

Phú Thọ, ngày 05 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do có sai sót trong Bản án số: 16/2020/HNGĐ - ST ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1987; ĐKKHKT: Khu S (Nay là khu T), thị trấn L, huyện L, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1982; ĐKKHKT: Khu S (Nay là khu T), thị trấn L, huyện L, tỉnh P. Hiện anh N đang đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số: 16/2020/HNGĐ - ST ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh P như sau:

Tại dòng thứ 12 từ trên xuống, trang 5 của bản án nêu trên đã ghi: “...trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm...”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “...trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm...”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND T. P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Huyền

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 01 tháng 9 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Chiến Hậu - sinh năm 1976.

ĐKNKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Lê Hồng Thắm - sinh năm 1978.

ĐKHKT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(chị Thắm hiện đang ở nước ngoài).

Thân nhân của chị Lê Hồng Thắm: Ông Lê Quang Bình, sinh năm 1949.
(Bố đẻ chị Thắm).

Trú tại: Khu 7, xã Minh Phú, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: **Ông Vũ Anh Tuấn;**

Các hội Thẩm nhân dân **Ông Nguyễn Anh Tuấn**

Bà Nguyễn Thị Phẩm

Vào hồi 9h15’ ngày 01/9/2016, Tại phòng nghị án Hội đồng nghị án các vấn đề sau:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Chiến Hậu được ly hôn với chị Lê Hồng Thắm.

Về án phí: Anh Vũ Chiến Hậu phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Hậu đã nộp 200.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007964 ngày 07/6/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Biểu quyết: 03/03 = 100% nhất trí.

Biên bản lập xong và đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

Các hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Bá Điền

Nguyễn Thị Phẩm

Vũ Anh Tuấn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2016/TL-HNGĐ

Việt Trì, ngày 03 tháng 10 năm 2016

**TRÍCH LỤC
BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2016/HNGĐ-ST ngày 01/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Chiến Hậu - sinh năm 1976.

ĐKNKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Lê Hồng Thắm - sinh năm 1978.

ĐKHKT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(chị Thắm hiện đang ở nước ngoài).

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Chiến Hậu được ly hôn với chị Lê Hồng Thắm.

Về án phí: Anh Vũ Chiến Hậu phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Hậu đã nộp 200.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007964 ngày 07/6/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ./.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
THẨM PHÁN**

Vũ Anh Tuấn

